

**PHÁT TRIỂN NGUỒN NGUYÊN LIỆU NGÀNH CHẾ BIẾN GỖ CỦA VIỆT NAM HƯỚNG
ĐẾN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

**DEVELOPMENT OF RAW MATERIAL TO SERVE VIETNAM'S WOOD INDUSTRY TOWARDS
A SUSTAINABLE DEVELOPMENT**

Trần Văn Hùng

Trường Đại học Lâm nghiệp Cơ sở II - Email: tranhungln2@gmail.com

(Bài nhận ngày 15 tháng 05 năm 2015, hoàn chỉnh sửa chữa ngày 05 tháng 07 năm 2015)

TÓM TẮT

Ngành chế biến gỗ của Việt Nam trong những năm vừa qua đã đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ. Để ngành chế biến gỗ phát triển bền vững thì đòi hỏi nhiều yếu tố như nguồn nhân lực, nguyên liệu, khoa học công nghệ, vốn, thị trường tiêu thụ... trong đó, yếu tố nguồn nguyên liệu đầu vào chiếm vị trí quan trọng đối với sự phát triển của ngành (chi phí nguyên liệu chiếm tỷ trọng cao trong giá thành sản phẩm gỗ chế biến). Chính vì vậy, đòi hỏi trong thời gian sắp tới và về lâu dài nguồn nguyên liệu đầu vào của ngành phải ổn định cả về mặt số lượng lẫn mặt chất lượng. Thực tế, nguồn nguyên liệu phục vụ cho ngành chế biến gỗ của Việt Nam hiện nay chủ yếu là nhập khẩu từ nước ngoài. Điều này làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp chế biến gỗ nước ta, giảm tính chủ động và khả năng cạnh tranh của ngành nói chung. Thực tế đó, bài viết dựa vào nguồn số liệu thứ cấp thu thập được từ các cơ quan ban ngành để đánh giá thực trạng nguồn nguyên liệu phục vụ cho ngành chế biến gỗ hiện nay ở Việt Nam, từ đó đề xuất một số biện pháp khuyến nghị góp phần phát triển nguồn nguyên liệu gỗ phục vụ cho chế biến theo hướng phát triển bền vững.

Từ khóa: bền vững, chế biến gỗ, nguyên liệu, nhập khẩu, phát triển.

ABSTRACT

The Vietnam's wood industry has obtained many encouraging achievements in recent years. In order to develop sustainably, the wood industry needs to ensure the quality of human resource, technology, capital, market and especially the material. As material accounts for a large share of the production cost, it is necessary to ensure both quantity and quality of its in the near future as well as in the long-term. The fact that most of raw material is imported seriously affects the Vietnam's wood industry, such as reducing the activeness and competitiveness of Vietnamese wood companies. This paper aims to evaluate the practice of raw material for Vietnam's wood industry, thereby suggesting some solutions to sustainably develop the raw material for the wood industry.

Keywords: develop, wood industry, raw material, import, sustainable.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngành chế biến gỗ là một trong năm ngành công nghiệp chế biến chủ lực của Việt Nam. Trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến nay, ngành công nghiệp chế biến gỗ của Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng sản phẩm

góp phần tạo nguồn thu nhập cho đất nước nói chung và tạo công ăn việc làm cho người dân nói riêng. Theo kết quả điều tra của Phòng chế biến bảo quản lâm sản thuộc Cục chế biến nông lâm thủy hải sản thì số lượng các doanh nghiệp chế biến gỗ đã tăng từ 1.200 doanh nghiệp năm 2000 lên đến gần 4000 doanh nghiệp tính đến

hết năm 2013. Sản phẩm của ngành chế biến gỗ đã được tiêu thụ rộng khắp trên Thế giới. Cũng theo số liệu của Phòng chế biến lâm sản quy mô chế biến đã tăng từ 3 triệu m³ gỗ nguyên liệu/năm (năm 2005) lên khoảng trên 15 triệu m³ gỗ tròn/năm (năm 2012). Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ của Việt Nam đã tăng từ 219 triệu USD (năm 2000) lên trên 3,9 tỷ USD (năm 2011) và 4,68 tỷ USD (năm 2013), góp phần quan trọng đưa tổng kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm nông, lâm, thủy sản năm 2013 lên mức 27,5 tỷ USD. Mặc dù đạt được nhiều thành tựu trong hơn 10 năm vừa qua nhưng ngành chế biến gỗ vẫn còn bộc lộ nhiều yếu kém và sự phát triển mang tính thiếu bền vững, cụ thể là chất lượng sản phẩm sản xuất có giá trị chưa cao, thiếu thông tin trên thị trường, thiếu nguồn vốn đầu tư, máy móc thiết bị và tay nghề lao động còn lạc hậu, chưa có thương hiệu riêng cho sản phẩm, đặc biệt là không chủ động được nguồn nguyên liệu mà phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập từ bên ngoài với khoảng 70 - 80% nhu cầu nguyên liệu gỗ của cả nước đã khiến các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong việc cạnh tranh với Thế giới. Trong bối cảnh hiện nay, để theo kịp xu hướng phát triển chung của Thế giới và trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại hóa, công nghiệp hóa vào năm 2020, việc lựa chọn và hướng tới xây dựng mô hình phát triển kinh tế xanh - mô hình phát triển bền vững ở Việt Nam là thực sự cần thiết. Ngày 25/9/2013, Chính phủ đã thông qua Quyết định số 1393 về phê duyệt Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh. Chiến lược này thể hiện quan điểm của Việt Nam hướng tới sự phát triển theo hướng bền vững. Do đó, Việt Nam đang trong tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa thì việc xây dựng và phát triển các ngành công nghiệp bền vững có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự phát triển bền vững. Trong đó việc phát triển nguồn nguyên liệu gỗ phục vụ cho ngành chế biến gỗ của Việt Nam theo

hướng phát triển bền vững sẽ góp phần chủ động nguồn nguyên liệu cho sản xuất, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu chất thải, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng như nâng cao chất lượng cuộc sống người dân nói chung.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nguồn số liệu sử dụng: bài viết sử dụng nguồn số liệu thứ cấp về kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ, tình hình nhập khẩu nguyên liệu gỗ và tình hình phân bố rừng, nhu cầu sử dụng gỗ công nghiệp được thu thập từ Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan, Tổng cục lâm nghiệp, Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam, Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn để có dữ liệu nghiên cứu và phân tích đầy đủ.

Phương pháp nghiên cứu: thống kê, so sánh, phân tích tổng hợp nhằm đánh giá thực trạng nguồn nguyên liệu phục vụ ngành chế biến gỗ ở nước ta thông qua việc sử dụng các bảng, biểu, đồ thị.

2.2 Nội dung nghiên cứu

Bài viết đề cập đến những nội dung nghiên cứu chính sau:

Thực trạng ngành chế biến gỗ của Việt Nam hiện nay: về quy mô doanh nghiệp, sản phẩm tiêu thụ, kim ngạch xuất khẩu.

Thực trạng nguồn nguyên liệu gỗ phục vụ ngành chế biến gỗ của Việt Nam.

Đề xuất một số biện pháp khuyến nghị.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng ngành chế biến gỗ Việt Nam

Trong thời gian từ năm 2000 đến nay, ngành công nghiệp chế biến gỗ của Việt Nam đã có nhiều thay đổi. Số lượng doanh nghiệp chế biến gỗ tăng nhanh từ 1.200 doanh nghiệp

năm 2000, đến cuối năm 2007 có 2.526 doanh nghiệp, tăng 2,8 lần so với năm 2000 và cuối năm 2013 có trên 3.000 doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp chế biến gỗ. Quy mô sản xuất của các doanh nghiệp ngày càng được mở rộng cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Tính theo tiêu chí vốn đầu tư của một doanh nghiệp thì trong năm 2005 vốn đầu tư bình quân của một doanh nghiệp cả nước là 5.988 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư bình quân một doanh nghiệp chế biến gỗ ở miền Nam là 5.800 triệu đồng và ở miền Bắc là

3.096 triệu đồng. Tính theo tiêu chí vốn đầu tư trên lao động thì vốn đầu tư/ lao động bình quân của cả nước là 94,5 triệu đồng/lao động, ở miền Nam chỉ tiêu này là 65,5 triệu đồng/ lao động và ở miền Bắc là 76,1 triệu đồng.

Sản phẩm của các doanh nghiệp chế biến gỗ chủ yếu xuất khẩu ra nước ngoài. Đồ gỗ là mặt hàng xuất khẩu chủ lực lớn thứ năm của Việt Nam sau dầu thô, dệt may, giày dép, thủy sản. Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm đồ gỗ của nước ta tăng mạnh qua các năm với mức tăng bình quân 15,2% trong vòng 10 năm qua.

Bảng 1. Kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam giai đoạn 2000 - 2013

NĂM	2000	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
1. Giá trị (triệu USD)	219	1.562	1.931	2.503	2.654	2.628	3.435	3.930	4.661	5.370
Tốc độ tăng (%)	-	-	23,62	29,62	6,03	-0,98	30,71	14,41	18,60	15,21

Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục thống kê, Tổng cục Hải quan

Thị trường xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam là Mỹ, Nhật, Pháp, Anh, Đức, Hà Lan, Tây Ban Nha... Kim ngạch xuất khẩu hàng gỗ Việt Nam trong thời gian qua có mức tăng trưởng trung bình 15%/năm, tập trung vào đồ gỗ nội thất và đồ dùng ngoài trời. Với tốc độ phát triển của ngành công nghiệp xuất khẩu đồ gỗ nội ngoại thất của Việt Nam hiện nay hết sức nhanh và năng động, điều đó đã tạo ra áp lực đòi hỏi Việt Nam phải có nguồn cung vật liệu dồi dào cũng như áp lực khai thác rừng là rất lớn. Việt Nam chỉ đáp ứng 1,6% thị phần của Thế giới (khoảng 300 tỷ USD). Trong khi đó nhu cầu sử dụng sản phẩm đồ gỗ trên Thế giới là rất lớn. Đa số các doanh nghiệp nội địa chỉ sản xuất đủ năng lực và chủ yếu chuẩn bị cho việc tái cơ cấu. Mặc dù ngành chế biến gỗ đã đạt những thành tựu đáng kể, sản phẩm đã được tiêu thụ rộng khắp Thế giới. Tuy nhiên, để sản phẩm đạt chất lượng cao và tiêu thụ ở các thị trường

khắc khe như châu Âu thì cần phải đáp ứng các yêu cầu về kiểu dáng, chất lượng, quy định sử dụng gỗ từ nguồn đảm bảo hợp pháp là yếu tố tối quan trọng đối với kinh doanh đồ gỗ, quyết định sự thành bại của nhà kinh doanh.

3.2. Thực trạng nguồn nguyên liệu gỗ phục vụ chế biến

Trong những năm vừa qua ngành công nghiệp chế biến gỗ phát triển mạnh mẽ dẫn đến nhu cầu sử dụng nguyên liệu gỗ cho chế biến tăng cao. Trong năm 2003 tổng khối lượng gỗ sử dụng cho chế biến là 8,8 triệu m³ đến năm 2005 là 10 triệu m³ và năm 2008 là 11 triệu m³ và năm 2013 là khoảng trên 15 triệu m³. Ngành chế biến gỗ của Việt Nam sử dụng nguồn nguyên liệu gỗ được khai thác ở trong nước và nhập khẩu từ nước ngoài. Nguồn gỗ trong nước chủ yếu được khai thác từ rừng tự nhiên. Trước năm 2000, sản lượng gỗ khai thác từ rừng tự nhiên của Việt Nam đạt trung bình 1,8 triệu m³

gỗ tròn/năm, chiếm khoảng 70% tổng lượng nhu cầu gỗ cho chế biến. Đến năm 2003 lượng gỗ khai thác này chỉ còn 0,5 triệu m³/năm, năm 2004 là 0,3 triệu m³/năm, năm 2005 là 0,18 triệu m³/năm và năm 2008 là 0,15 triệu m³/năm... nguồn nguyên liệu gỗ ở trong nước

chỉ đáp ứng khoảng 20% nhu cầu, nguồn gỗ rừng tự nhiên rất hạn chế, còn gỗ rừng trồng chủ yếu là gỗ nhỏ và chưa đáp ứng được những tiêu chuẩn kỹ thuật do các đối tác lớn đề ra. Do đó, lượng nguyên liệu gỗ lớn còn lại phải nhập khẩu từ nước ngoài.

Bảng 2. Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu giai đoạn 2000 - 2013

NĂM	2000	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Kim ngạch nguyên liệu gỗ (triệu USD)	78	667	760	1.022	1.095	1.134	1.151,70	1.300	1.256	1.459
Sản lượng gỗ khai thác (1000m ³)*	2.375,60	2.996,40	3.128,50	3.461,80	3.552,90	3.766,70	4.607,30	4.692	5.251	5.608

Chú thích: * - sản lượng gỗ khai thác bao gồm gỗ tự nhiên và gỗ rừng trồng

Nguồn: Tổng cục thống kê năm 2015

Theo thống kê của Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam, mỗi năm Việt Nam phải nhập khẩu khoảng 1 triệu m³ ván nhân tạo các loại, trong đó MDF chiếm khoảng 60%. Tổng kim ngạch nhập khẩu ván nhân tạo chiếm khoảng 25% tổng kim ngạch nhập khẩu nguyên liệu gỗ. Nguyên liệu gỗ nhập khẩu tăng qua các năm do có nhiều các doanh nghiệp tham gia vào ngành chế biến gỗ. Giá nguyên liệu gỗ nhập khẩu thường biến động theo hướng tăng giá và việc nhập nguyên liệu gỗ sẽ rất dễ bị động và gặp nhiều khó khăn như: nhiều nước thay đổi chính sách nên cấm xuất khẩu gỗ nguyên liệu; việc xác định chất lượng gỗ, tuổi gỗ phải thông qua cơ quan có chức năng xác nhận; thiếu thông tin về nguyên liệu, đối tác, thương mại, nguyên liệu nhập khẩu đòi hỏi vốn lớn, chủng loại đa dạng và yêu cầu xử lý bảo quản cao.v.v... Nhu cầu nguyên liệu ngày càng gia tăng trong khi

nguồn cung trong nước là rất thấp nên đây cũng là một thách thức lớn đối với ngành chế biến gỗ. Hơn nữa nguồn nhập khẩu nguyên liệu đang có nguy cơ bị thu hẹp và hạn chế. Thực tế, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trên Thế giới về nguyên liệu, nhất là đối với những nguồn gỗ có xác nhận "quản lý rừng bền vững" đã làm giá thành tăng liên tục và cây gỗ rừng trồng cũng phải có tuổi đời và độ lớn nhất định (khoảng 10 năm) mới làm được sản phẩm gỗ xuất khẩu.

Nguồn nguyên liệu gỗ nhập khẩu: chủ yếu từ các quốc gia trên Thế giới như Lào, Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Myanma, Đài Loan, Indonesia, Singapore, Newzealand, Australia, Guyan, Nam phi, Mozambique, Mỹ, Costa Rica, Ecuador, Chi Lê, Brazil, Uruguay, Phần Lan, Thụy Điển, Đức, Rumani, Estonia, Nga.

Bảng 3. Kim ngạch nhập khẩu gỗ từ các nước của Việt Nam trong năm 2012 - 2013*DVT: triệu USD*

	NĂM 2013	NĂM 2012	TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG (%)
Tổng kim ngạch nhập khẩu gỗ	1.429.628.670	1.256.974.181	13,74
Lào	365.152.942	272.388.447	34,06
Hoa Kỳ	196.530.585	182.045.652	7,96
Trung Quốc	178.308.463	182.760.993	-2,44
Malaixia	82.739.543	80.795.742	2,41
Thái Lan	72.168.532	79.960.297	-9,74
NiuZilan	59.236.939	58.781.733	0,77
Campuchia	45.497.924	24.800.648	83,45
Chile	32.737.191	29.487.050	11,02
Braxin	23.524.490	23.524.490	0
Anh	19.759.317	599.461	3.196,18
Đức	18.009.248	9.652.920	86,57
Indonesia	15.456.441	24.282.364	-36,35
Phần Lan	14.251.469	12.413.947	14,8
Hàn Quốc	12.292.609	4.810.607	155,53
Đài Loan	11.390.165	11.230.724	1,42
Pháp	8.971.185	4.183.485	114,44
Thụy Điển	6.498.750	6.514.871	-0,25
Nga	5.390.394	3.420.789	57,58
Italia	5.146.876	4.490.880	14,61
Nhật Bản	5.017.015	5.268.686	-4,78
Canada	4.271.812	5.762.980	-25,87
Oxtrâylia	3.864.519	6.982.656	-44,66
Achentina	3.501.065	2.395.160	46,17
Nam Phi	2.836.151	3.076.719	-7,82

Nguồn: Tổng cục Hải Quan

Hiện nay, các doanh nghiệp gỗ Việt Nam nói chung đang bị cáo buộc về việc sử dụng nguyên liệu gỗ nhập khẩu không có xuất xứ rõ ràng để sản xuất hàng xuất khẩu. Các doanh

ngiệp này chủ yếu nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường Myanmar, Lào và Campuchia với mức giá rẻ hơn so với giá thị trường trên Thế giới. Do vậy, Mỹ và EU đã đưa ra nhiều yêu

cầu khẩn, nhằm thắt chặt hơn việc kiểm soát nguồn gốc sản phẩm buộc nhà sản xuất gỗ phải thông báo rõ ràng về những sản phẩm gỗ xuất khẩu như tên khoa học, giá trị nhập khẩu, tên quốc gia mà thực vật bị đốn hạ hoặc thu hoạch... Đây là điều khó khăn đối với các doanh nghiệp Việt Nam trong việc đi tìm nguồn cung cấp gỗ nguyên liệu ổn định và có xuất xứ rõ ràng. Việc nhập khẩu gỗ từ một số quốc gia có nền lâm nghiệp chưa phát triển đang đứng trước những nguy cơ bị các tổ chức phi Chính phủ quốc tế lên án và yêu cầu hạn chế. Các nước này cũng đang dần phải hoàn thiện công tác kinh doanh rừng bền vững để đáp ứng những yêu cầu của các tổ chức quốc tế đề ra, các loại gỗ phải đạt chứng chỉ rừng trước khi xuất khẩu sang các nước khác. Như vậy, trong một vài năm tới việc nhập khẩu gỗ từ các nước trên sẽ bị hạn chế rất nhiều. Do vậy nguồn nguyên liệu cho chế biến gỗ sẽ bị ảnh hưởng nếu như Việt Nam không chuẩn bị trước kế hoạch phát triển nguyên liệu gỗ trong thời gian tới. Mặc dù nguồn gỗ trong nước ngày càng nhiều nhưng do khai thác sớm và khai thác bất hợp pháp nên đường kính gỗ còn nhỏ, chất lượng thấp. Ngoài ra, công tác quy hoạch còn nhiều bất cập, các dự án phát triển rừng nguyên liệu chưa được quan tâm đúng mức dẫn đến sản lượng gỗ phục vụ cho chế biến xuất khẩu không được cải thiện. Chiến lược lâm nghiệp quốc gia giai đoạn 2006 - 2020 đặt mục tiêu phát triển 825.000 ha rừng nguyên liệu cho ngành gỗ Việt Nam, trong đó có sự kết hợp giữa các loại cây có chu kỳ kinh doanh ngắn 7-10 năm và chu kỳ kinh doanh dài từ 15 năm trở lên. Sản lượng dự kiến khai thác để phục vụ ngành gỗ vào năm 2020 sẽ đạt 20 triệu m³/năm (trong đó có 10 triệu m³ gỗ lớn), mới đáp ứng

được khoảng 70% nhu cầu. Theo tính toán của Hiệp hội gỗ, còn phải chờ ít nhất 10 năm nữa mới hy vọng chủ động được một phần nguyên liệu trong nước khi các khu rừng trồng gỗ lớn do các doanh nghiệp phát triển bắt đầu cho khai thác. Còn trong tương lai gần, không có cách nào khác là phải tiếp tục nhập khẩu gỗ nguyên liệu. Hiện tại phần lớn đất rừng (gần 5 triệu ha) là do các lâm trường quốc doanh và chính quyền địa phương quản lý, trong khi khoảng 3,1 triệu ha đã được giao cho hơn một triệu hộ gia đình và cá nhân, nhưng có 20 - 30% diện tích được sử dụng đúng mục đích, 70% còn lại chưa đem lại hiệu quả như mong muốn. Trong khi đó, nhiều nhà đầu tư lớn muốn đầu tư vào rừng trồng thì lại không có đất trồng rừng. Một điều nghịch lý hiện nay là việc cung ứng và sử dụng nguyên liệu gỗ còn bất hợp lý, vùng nguyên liệu rừng trồng có thể nói là chưa thật sự gắn với ngành chế biến gỗ để xuất khẩu. Chẳng hạn như Đông Nam Bộ là vùng tập trung nhiều cơ sở chế biến gỗ và ngành chế biến gỗ phát triển mạnh nhất cả nước nhưng khu vực này lại có diện tích rừng trồng thấp chiếm khoảng 20% của cả nước, trong khi đó Miền Bắc và miền Trung là khu vực có diện tích và sản lượng gỗ rừng trồng chiếm khoảng 70% cả nước. Ngoài ra, hàng năm miền Bắc và miền Trung xuất khẩu một lượng lớn gỗ rừng trồng dưới dạng dăm gỗ với giá 125 USD/tấn làm ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển nguồn nguyên liệu gỗ lớn và phát triển công nghiệp ván nhân tạo. Trong khi đó Vùng Đông Nam Bộ lại phải nhập khẩu lượng lớn nguyên liệu gỗ để sản xuất sản phẩm đồ mộc và khi nhập khẩu bột giấy về sản xuất thì giá nhập khẩu lên đến 900 - 1.000 USD/tấn.

Bảng 4. Phân bố doanh nghiệp chế biến và phân bố rừng

VÙNG	DIỆN TÍCH RỪNG SẢN XUẤT		SỐ LƯỢNG DN CHẾ BIẾN GỖ
	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
Cả nước	4.787.711	100	2.526
Miền Bắc	2.045.252	42,71	497
-Tây Bắc	105.018	2,2	216
-Đông Bắc	1.110.777	23,18	135
-ĐB Sông Hồng	14.559	0,23	216
-Bắc Trung bộ	841.898	17,56	127
Miền Nam	2.415.495	50,29	2.029
-DH Nam Trung bộ	378.250	7,9	185
-Tây Nguyên	1.639.975	34,23	185
-Đông Nam bộ	214.875	4,47	1.493
-ĐB Sông Cửu Long	182.089	3,69	166

Nguồn: Bộ NN & PTNT, 9/2010

Như vậy, nguồn nguyên liệu gỗ ở nước ta chưa ổn định, chủ yếu phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài. Đây là một trong những hạn chế lớn nhất của ngành chế biến gỗ nước ta. Lượng nguyên liệu gỗ nhập khẩu hàng năm chiếm khoảng 80% tổng nhu cầu gỗ cho chế biến. Việc nhập khẩu nguyên liệu gỗ sẽ gây nhiều ảnh hưởng tiêu cực như giá nguyên liệu thường biến động tăng 30 - 40%, không chủ động được nguồn nguyên liệu, không nắm rõ được nguồn gốc, chất lượng nguyên liệu nhập, làm giảm khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp. Hạn chế nguồn gỗ nội địa cho thấy ngành công nghiệp gỗ của Việt Nam phụ thuộc rất nhiều vào nhập khẩu. Nguyên nhân là do Chính phủ đã cấm khai thác nguồn gỗ tự nhiên, công tác quy hoạch nguồn nguyên liệu trong nước còn hạn chế, việc xây dựng mạng lưới chế biến gỗ trên toàn quốc chưa thống nhất. Ngoài ra, ở nước ta do việc khai thác gỗ bất hợp pháp diễn ra phổ biến dẫn đến mất đi nguồn tài nguyên một cách nhanh

chóng và như vậy không đủ nguồn nguyên liệu để cung ứng cho nhu cầu thị trường. Trong khi đó, ngành lâm nghiệp có khả năng tạo công ăn việc làm và thu nhập cho một lượng khá lớn người dân. Một tổn thất nữa đến từ việc khai thác rừng trái phép là làm mất đi sự đa dạng sinh học và sẽ làm mất đi những cơ hội thương mại trong tương lai.

Nhìn chung, nguồn nguyên liệu cần cung ứng cho ngành chế biến gỗ ở nước ta là rất lớn, đặc biệt là nguồn nguyên liệu gỗ đạt tiêu chuẩn theo những quy định và xu hướng tiêu dùng mới của các thị trường quốc tế. Do đó, việc phát triển nguồn nguyên liệu đặc biệt theo hướng phát triển bền vững thì cần phải có những biện pháp nhất định góp phần đáp ứng nguồn nguyên liệu lâu dài cho chế biến đồ gỗ, tạo công ăn việc làm cho người dân và góp phần bảo vệ môi trường. Theo tính toán của Tổng cục Lâm nghiệp thì nhu cầu nguyên liệu gỗ ngày càng gia tăng.

Bảng 5. Dự báo nhu cầu gỗ công nghiệp của Việt Nam giai đoạn 2003 - 2020DVT: 1.000 m³

NĂM	2003	2005	2010	2015	2020
Nhu cầu gỗ nội địa và xuất khẩu	7.420	10.063	14.004	18.620	22.160
1. Gỗ lớn trong công nghiệp và dân dụng	4.561	5.373	8.030	10.266	11.993
2. Gỗ nhỏ sản xuất ván nhân tạo, dăm gỗ xuất khẩu	1.649	2.032	2.464	2.922	1.682
3. Nhu cầu gỗ nhỏ cho sản xuất bột giấy	1.150	2.568	3.388	5.271	8.283
4. Gỗ trụ nhỏ	60	90	120	160	200

*Nguồn: Chiến lược phát triển Lâm Nghiệp VN giai đoạn 2003-2020***3.3. Một số biện pháp khuyến nghị**

Qua việc nghiên cứu thực trạng nguồn nguyên liệu ngành chế biến gỗ và đề ngành chế biến gỗ phát triển bền vững thì cần có các giải pháp khuyến nghị như sau:

Đối với gỗ nhập khẩu: Các doanh nghiệp phải liên kết hỗ trợ với nhau, sau đó lên kế hoạch trình Hiệp hội gỗ và Lâm sản, Bộ Công thương xét duyệt ký kết hợp đồng với nước có nguồn gỗ dồi dào, giá rẻ, ổn định.

Chính phủ cần tạo điều kiện thuận lợi nhất để nhập khẩu và cung ứng nguyên liệu gỗ cho ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu sản phẩm gỗ đáp ứng số lượng, chất lượng và thời gian với giá cả cạnh tranh. Chính phủ cần ký kết với Chính phủ các nước có nguồn nguyên liệu gỗ dồi dào các thỏa thuận về cung cấp gỗ dài hạn cho Việt Nam và thực hiện triệt để cải cách hành chính trong việc nhập khẩu gỗ nguyên liệu và xuất khẩu sản phẩm gỗ.

Theo yêu cầu của châu Âu và Mỹ, phải sử dụng 70% nguyên liệu có chứng chỉ FSC, 30% còn lại là gỗ có nguồn gốc. Ngoài ra, từ tháng 3/2013, doanh nghiệp xuất khẩu gỗ vào EU còn phải gánh thêm đạo luật FLEGT (tăng cường luật pháp, quản lý và thương mại lâm sản) cũng

yêu cầu các lô đồ gỗ nhập vào EU phải minh bạch, rõ ràng về nguồn gốc gỗ nguyên liệu mới cho nhập khẩu. Do đó, để đáp ứng được yêu cầu của các thị trường lớn về tiêu chuẩn chất lượng gỗ thì các doanh nghiệp cần nhập khẩu gỗ có nguồn gốc chứng nhận rõ ràng và hợp pháp, đạt tiêu chuẩn, hạn chế nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các nước có nền Lâm nghiệp chưa phát triển chưa đạt các chứng nhận quốc tế về gỗ. Do đó, với xu thế bảo vệ môi trường và việc khai thác gỗ tự nhiên trên Thế giới ngày càng hạn chế nên các doanh nghiệp ngoài việc tiếp tục duy trì các đầu mối cung ứng gỗ từ các nước Đông Nam Á như Lào, Malaysia, Indonesia, Thái Lan... cần mở rộng ra các thị trường tiềm năng như Canada, Newzeland, Mỹ, .v.v...

Chính Phủ cần thực hiện triệt để cải cách hành chính trong việc nhập khẩu gỗ nguyên liệu và xuất khẩu sản phẩm gỗ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhập khẩu gỗ được thuận lợi như hỗ trợ vốn, ưu đãi tín dụng, thông tin thị trường nguyên liệu gỗ nhập khẩu, thủ tục hải quan, chính sách thuế đối với nguyên vật liệu gỗ nhập khẩu, chính sách hỗ trợ cước vận tải nội địa và quốc tế...

Các doanh nghiệp chế biến gỗ cần liên kết với nhau trong việc tìm kiếm khách hàng cung ứng, nhập khẩu nguyên liệu nhằm làm giảm chi phí nhập khẩu.

Các hiệp hội gỗ cần hỗ trợ doanh nghiệp thông tin về thị trường nhập khẩu gỗ, qui định chất lượng gỗ, nguồn gốc gỗ, luật pháp của nước sở tại.

Đối với các doanh nghiệp chế biến gỗ có quy mô lớn đặc biệt về vốn có thể xem xét phương án đầu tư mua hoặc trồng rừng ở nước ngoài, phương án này yêu cầu các doanh nghiệp phải có vốn lớn, có thời gian đầu tư dài, có kinh nghiệm, thông thạo về địa lý và nguồn cung ứng...

Đối với gỗ trong nước

Để đáp ứng nhu cầu nguyên vật liệu gỗ cho chế biến bền vững, Chính phủ cần hạn chế việc khai thác rừng tự nhiên và bắt buộc các chủ rừng phải áp dụng phương pháp quản lý rừng bền vững trên 3 phương diện: môi trường, kinh tế và xã hội. Để có thể chủ động nguồn cung nguyên liệu gỗ dài hạn đồng thời nâng cao hình ảnh của chủ rừng và khả năng tiếp thị của các doanh nghiệp, chính phủ cần hỗ trợ các doanh nghiệp đạt được chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC).

Hiện nay Việt Nam vẫn còn sở hữu trữ lượng lớn các loại gỗ ít được biết đến nhưng do ít hay chưa được khai thác nhiều trong rừng tự nhiên và cũng chưa biết đến trên thị trường thế giới nên nguồn sử dụng vẫn còn hạn chế. Ngoài ra, những loại gỗ này ít được biết đến là do thị trường truyền thống ưa chuộng những loại gỗ có giá trị thương phẩm cao; doanh nghiệp và người tiêu dùng chưa hiểu nhiều về chính chất cơ lý, cơ học của các loại gỗ này. Hơn nữa, một số loại gỗ có tính chất khó chế biến, phải áp dụng kỹ thuật sấy đặc biệt... Do vậy, cần quảng bá các loại gỗ ít được biết đến để giảm việc khai thác quá mức một vài loài gỗ thương

mai có giá trị cao, đồng thời sẽ giúp doanh nghiệp tiếp cận nguồn gỗ hợp pháp trong nước rẻ hơn, có chứng nhận nguồn gốc, sản phẩm xanh. Khi những loại gỗ ít được biết đến thì trường chấp nhận thì không chỉ giá trị gỗ cao mà giá trị rừng cũng sẽ được nâng lên, từ đó các chủ rừng sẽ có nhiều lợi nhuận để tái đầu tư lại cho trồng rừng và áp dụng quản lý rừng bền vững. Ngoài ra, nếu chúng ta sử dụng loại gỗ ít được biết đến cũng sẽ làm giảm gánh nặng nhập khẩu của các doanh nghiệp, hạn chế sử dụng những loại gỗ không rõ nguồn gốc trong rừng tự nhiên từ các nước lân cận.

Để phát triển bền vững sản phẩm cho thị trường nội địa cần đi theo xu hướng chung của Thế giới hay xu hướng sử dụng nhiều nguyên liệu trong nước, chú trọng chuyển hướng sử dụng nguyên liệu từ rừng tự nhiên sang rừng trồng. Hiện Thế giới ngày càng sử dụng nhiều sản phẩm làm từ gỗ trầm vì giá rẻ, chất lượng sản phẩm tốt và đây là nguồn gỗ được đánh giá bền vững nhất hiện nay ở Việt Nam, có thể đáp ứng 70% nhu cầu và với tốc độ phát triển trong tương lai gần đây sẽ là nguồn cung cấp gỗ lớn nhất của nước ta. Hiện tại Việt Nam có 3 cánh rừng trầm được công nhận chứng chỉ FSC (Bình Định: cung cấp 10.000 m³ gỗ/năm, Quảng Trị: cung cấp 5.000 - 7.000 m³ /năm, nhà máy giấy Bãi Bằng mỗi năm cung cấp 10.000 m³ /năm). Việt Nam đang sở hữu diện tích trầm khá lớn, thực tế trầm là nguyên liệu có chất lượng tốt, độ bền dẻo cao, được Thế giới đánh giá cao và dùng làm nguyên liệu chính cho đồ trang trí ngoài trời...

Về lâu dài ngành gỗ Việt Nam cần phải có kế hoạch trồng mới rừng theo phương thức thâm canh, cần quy hoạch diện tích đất trồng rừng mang tính tập trung. Đồng thời, Chính phủ cần rà soát các vùng chuyên canh nguyên liệu tập trung với quy mô lớn, đầu tư giải pháp công nghệ để nghiên cứu, tuyển chọn các giống cây cho năng suất cao, chất lượng tốt, có đặc

tính phù hợp với sản xuất công nghiệp, sản xuất giống bằng công nghệ nuôi cấy mô, đáp ứng nhu cầu sử dụng nguyên liệu trong nước và xuất khẩu, từng bước đăng ký những khu rừng đạt chứng chỉ FSC, đầu tư các nhà máy chế biến gỗ nhân tạo, ván MDF... Quy hoạch vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến phải gắn với nhà máy chế biến.

Chính phủ, Ủy Ban nhân dân các tỉnh, thành phố cần khẩn trương rà soát, hoàn chỉnh quy hoạch trồng rừng nguyên liệu trong đó đảm bảo cung cấp ổn định cho nhu cầu chế biến, quy hoạch diện tích thích hợp để trồng loại cây rừng phù hợp với điều kiện từng vùng, chú trọng trồng các loại cây rừng gỗ lớn có giá trị cao. Trên cơ sở quy hoạch trồng rừng nguyên liệu cần rà soát bổ sung những chính sách để khuyến khích hơn nữa các thành phần kinh tế tham gia đầu tư trồng rừng, hưởng lợi từ rừng, cung cấp nguyên liệu cho sản xuất chế biến gỗ nhất là những chính sách về đất đai, tín dụng, đầu tư, hỗ trợ cây giống, xây dựng cơ sở hạ tầng cho vùng nguyên liệu.

Bên cạnh đó, để đảm bảo uy tín cho sản phẩm gỗ, Nhà nước cũng cần kiểm soát một cách chặt chẽ nguồn gỗ chuyển tải từ công ty mẹ ở nước ngoài vào các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam, ngăn ngừa việc trốn thuế và lẩn tránh xuất xứ gỗ.

Chính phủ cần thành lập sàn giao dịch gỗ điện tử nhằm cung cấp thông tin giá cả thị trường gỗ trong nước và Thế giới, các vấn đề về pháp luật khi các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ ra nước ngoài, việc thực hiện các giao dịch qua mạng của các doanh nghiệp ngành gỗ sẽ được kết nối qua cổng thương mại điện tử của Bộ Công Thương và tiến tới thành lập chợ gỗ nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trao

đổi mua bán gỗ thuận lợi, nhanh chóng và giá cả thống nhất.

Nâng cao tay nghề đội ngũ công nhân, nghiên cứu việc cưa xẻ gỗ, lắp ráp hạn chế đến mức thấp nhất những hư hỏng trong sản xuất, tiết kiệm nguyên liệu gỗ trên từng m³ tính gỗ, tận dụng phế liệu, phế phẩm và kết hợp các vật liệu khác.

Ngoài ra, các doanh nghiệp cần chú ý sử dụng có hiệu quả nguồn nguyên liệu bằng cách bảo quản tốt nguyên liệu ở kho bãi, đổi mới máy móc thiết bị cũ kỹ làm tiêu hao nhiều nguyên liệu. Cùng với việc nâng cao trình độ kỹ thuật và công nghệ chế biến cần phải hoàn thiện tổ chức sản xuất, năng lực quản lý và nâng cao tay nghề của lao động nhằm sử dụng nguồn nguyên liệu có hiệu quả và hợp lý.

Các giải pháp hỗ trợ: nâng cao vai trò của các Hiệp hội Lâm sản, Cục chế biến Lâm sản, các Bộ ngành có liên quan cần có những giải pháp hỗ trợ theo chỉ thị 19/2004/CT/Ttg ngày 01 tháng 06 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

4. KẾT LUẬN

Nguồn nguyên liệu phục vụ cho ngành chế biến gỗ ở nước ta hiện gặp nhiều khó khăn, chủ yếu nhập khẩu từ nước ngoài nên ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp chế biến gỗ, làm tăng chi phí, giảm khả năng cạnh tranh của sản phẩm và thiếu tính chủ động về nguồn nguyên liệu. Do đó, Chính phủ và các cơ quan ban ngành có liên quan cần có những biện pháp hỗ trợ trước mắt và lâu dài giúp ổn định và chủ động nguồn nguyên liệu phục vụ cho chế biến gỗ nhằm đáp ứng yêu cầu của ngành chế biến gỗ theo hướng phát triển bền vững và làm tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, *Quyết định 2728/QĐ-BNN-CB phê duyệt Quy hoạch công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030*.
- [2]. Hoàng Quang Phòng, *Cơ hội và thách thức ngành công nghiệp chế biến gỗ Việt Nam sau khi gia nhập WTO*, Chương trình hội thảo quốc gia, Trường văn phòng Hiệp hội doanh nghiệp thuộc phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam, 01/2014.
- [3]. Nguồn số liệu của Tổng cục thống kê, Hiệp hội chế biến gỗ, Tổng cục hải quan, Bộ Công thương.
- [4]. Nguyễn Tôn Quyền, Trịnh Vỹ, Huỳnh Thạch và Vũ Bảo, *Công nghiệp chế biến gỗ ở Việt Nam*, Thực hiện năm 2006 trong cẩm nang ngành lâm nghiệp.
- [5]. Thủ tướng chính phủ, *Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020*, Quyết định số 18/2007/ QĐ-TTg ngày 05/02/2007.